

Số: /QĐ-UBND Lai Châu, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v định khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương pháp định giá rừng; hướng dẫn định khung giá rừng;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 5870/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Định khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu, như sau:

1. Khung giá rừng tự nhiên là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất được quy định tại Bảng 1 Phụ lục I Quyết định này.

2. Khung giá cho thuê rừng tự nhiên là rừng sản xuất được quy định tại Bảng 2 Phụ lục I Quyết định này.

3. Khung giá bồi thường, thu hồi, xác định giá trị góp vốn rừng tự nhiên là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất được quy định tại Bảng 3 Phụ lục I Quyết định này.

4. Khung giá rừng trồng là rừng phòng hộ, rừng sản xuất được quy định tại Bảng 4 Phụ lục II Quyết định này.

5. Khung giá cho thuê rừng trồng là rừng sản xuất được quy định tại Bảng 5 Phụ lục II Quyết định này.

6. Khung giá bồi thường, thu hồi, xác định giá trị góp vốn rừng trồng là rừng phòng hộ, rừng sản xuất được quy định tại Bảng 6 Phụ lục II Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn, triển khai việc áp dụng khung giá rừng trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật; tham mưu điều chỉnh khung giá rừng khi các yếu tố hình thành khung giá rừng thay đổi theo quy định.

b) Chủ trì phối hợp các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá rừng đối với từng chương trình, dự án cụ thể, trên cơ sở khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

c) Hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân về trình tự thủ tục, hồ sơ thực hiện giao, cho thuê rừng đối với rừng tự nhiên là rừng sản xuất, bồi thường, thu hồi rừng, góp vốn theo quy định. Tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện theo quy định.

d) Tổng hợp những khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá rừng đối với từng chương trình, dự án cụ thể, trên cơ sở khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp hướng dẫn việc thu và quản lý sử dụng nguồn thu từ việc giao rừng, cho thuê rừng tự nhiên là rừng sản xuất, bồi thường rừng, thu hồi rừng, góp vốn theo các quy định hiện hành.

c) Hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có quản lý rừng trong việc xác định giá trị doanh nghiệp và một số nội dung có liên quan đến lĩnh vực tài chính theo quy định của pháp luật.

3. Thuế tỉnh Lai Châu

a) Tiếp nhận, xác định nghĩa vụ tài chính đối với hồ sơ đề nghị cho thuê rừng của tổ chức do Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu gửi đến.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các Đội thuế thuộc địa bàn tỉnh Lai Châu xác định nghĩa vụ tài chính đối với hồ sơ đề nghị cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân do các cơ quan chức năng liên quan gửi đến.

4. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai việc áp dụng khung giá rừng trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật; quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc gửi báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường, để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

5. Chủ rừng theo quy định tại Điều 8 Luật Lâm nghiệp thực hiện các nội dung có liên quan đến hoạt động định giá rừng trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Trưởng Thuế tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Các trường hợp đã định giá rừng trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo giá đã xác định; nếu cần thiết phải điều chỉnh hoặc định giá lại thì thực hiện theo khung giá rừng tại Quyết định này.

3. Quá trình triển khai thực hiện gặp vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét sửa đổi, bổ sung theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, Kt9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải